

Số: /2026/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO LẦN 1

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số...../TTr-SNV ngày....tháng ..... năm 2026.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

#### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Quyết định này thay thế:

a) Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

b) Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (thi hành);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh Truyền hình Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo và Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Việt Hùng**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số..../2026/QĐ-UBND ngày....tháng....năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố;
- d) Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

##### **Điều 2. Tổ chức của thôn, tổ dân phố**

1. Thôn được tổ chức tại xã; tổ dân phố được tổ chức tại phường. Việc tổ chức thôn, tổ dân phố ở đặc khu do Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn của từng đặc khu.

2. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường, đặc khu); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ do chính quyền địa phương cấp xã giao theo quy định; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và sự quản lý trực tiếp của chính quyền cấp xã.

3. Việc xác định loại hình thôn, tổ dân phố và tên gọi cụ thể thực hiện theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp xã, bảo đảm phù hợp với đặc điểm dân cư, điều kiện quản lý và quy định của pháp luật.

4. Đối với địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, điều kiện tự nhiên, mức độ đô thị hóa, quy hoạch phát triển, phong tục, tập quán hoặc yêu cầu quản lý nhà nước, Hội đồng nhân dân cấp xã có thể quyết định tổ chức thôn trong phường hoặc tổ dân phố trong xã theo quy định của pháp luật sau khi thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhân dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Việc tổ chức thôn trong phường hoặc tổ dân phố trong xã không làm thay đổi địa giới hành chính, không làm phát sinh cấp hành chính mới và vẫn bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố**

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hợp lý; hoạt động hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Bảo đảm hoạt động của cộng đồng dân cư thực hiện theo nguyên tắc tự quản; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền địa phương cấp xã.

3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.

4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

#### **Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố**

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

2. Tên gọi, số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm:

- a) Bí thư Chi bộ;
- b) Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố;
- c) Trưởng Ban Công tác Mặt trận.

4. Việc bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố**

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố do cộng đồng dân cư bàn, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, dân chủ, công khai, minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ môi trường;

phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phát huy truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư được thực hiện trên cơ sở tôn trọng tính tự quản của cộng đồng dân cư, theo hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã; phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý hành chính nhà nước và quản trị địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân, phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Tham gia hỗ trợ chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Bí thư chi bộ, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố xây dựng, thực hiện quy chế phối hợp nhằm bảo đảm sự thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn; Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện quy chế phối hợp.

#### **Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 7. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Là công dân Việt Nam, cư trú thường xuyên tại thôn, tổ dân phố hoặc địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố; từ đủ 21 tuổi trở lên và không quá 70 tuổi. Trường hợp đặc biệt quá 70 tuổi do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm.

3. Có đủ sức khỏe, năng lực, tinh thần trách nhiệm để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Có trình độ học vấn tốt nghiệp Trung học phổ thông, có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trường hợp địa bàn có khó khăn về nguồn nhân sự hoặc có yếu tố đặc thù về điều kiện dân cư, lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định người có trình độ phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Có khả năng hòa giải, xử lý tình huống phát sinh trong cộng đồng dân cư; có năng lực lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

6. Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định.

#### **Điều 8. Hội nghị cộng đồng dân cư**

1. Việc tổ chức Hội nghị cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ và pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức Hội nghị cộng đồng dân cư trên địa bàn.

3. Khuyến khích việc thông báo, lấy ý kiến Nhân dân bằng các hình thức điện tử phù hợp với điều kiện thực tế.

### **Điều 9. Nơi sinh hoạt, hội họp của nhân dân trong thôn, tổ dân phố**

1. Thôn, tổ dân phố được sử dụng nhà văn hóa, trung tâm sinh hoạt cộng đồng hoặc công trình công cộng hợp pháp khác làm nơi sinh hoạt, hội họp của cộng đồng dân cư.

2. Chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động cộng đồng; tạo điều kiện để Nhân dân sử dụng hợp lý các công trình công cộng hiện có theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp từ cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của thôn, tổ dân phố theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch.

### **Điều 10. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, hỗ trợ thôn, tổ dân phố ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động cộng đồng.

2. Khuyến khích:

a) Sử dụng nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp để thông tin, tuyên truyền đến Nhân dân;

b) Số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

c) Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu, nền tảng số và các ứng dụng phục vụ quản lý cộng đồng dân cư;

d) Thực hiện lấy ý kiến Nhân dân bằng hình thức điện tử khi đáp ứng điều kiện kỹ thuật và bảo đảm theo quy định của pháp luật.

## **Chương III**

### **QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

#### **Điều 11. Nguyên tắc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phải bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự phối hợp của Ban công tác Mặt trận và sự quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

3. Mọi công dân, hộ gia đình trong cộng đồng dân cư có quyền và trách nhiệm tham gia các hoạt động bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Ban hành kế hoạch, quyết định tổ chức bầu cử; thành lập Tổ bầu cử theo quy định.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn.

3. Bảo đảm các điều kiện cần thiết phục vụ việc tổ chức bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

4. Xem xét, quyết định công nhận kết quả bầu cử theo quy định của pháp luật.

5. Giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, phản ánh phát sinh trong quá trình tổ chức bầu cử theo quy định.

**Điều 13. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 14. Cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được xem xét cho thôi làm nhiệm vụ trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Việc tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư, trình tự, thủ tục, hồ sơ và thẩm quyền quyết định cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo

quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 15. Trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Khi khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc trong trường hợp thành lập mới, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố mà chưa bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố trong thời hạn không quá sáu tháng (06 tháng) kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Người được chỉ định tạm thời có trách nhiệm điều hành các hoạt động thường xuyên của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

### **Điều 16. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm.
2. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành thống nhất trong toàn tỉnh và trong một khoảng thời gian nhất định, từ đầu tháng 02 đến tháng 3 hoặc từ tháng 8 đến tháng 9 của năm cuối nhiệm kỳ cũ.

## **Chương IV**

### **THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

### **Điều 17. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư; không làm gián đoạn việc quản lý địa bàn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân trong quá trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể thôn, tổ dân phố.

2. Việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn

hóa, truyền thống, điều kiện đặc thù của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

4. Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải xem xét kỹ các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

5. Việc giải thể thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp cần thiết do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình, do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư.

6. Việc xác định loại hình thôn, tổ dân phố và đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

7. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố phải bảo đảm ngắn gọn, dễ nhớ, dễ viết, dễ phát âm, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp; thể hiện được bản sắc, truyền thống địa phương. Ưu tiên kế thừa tên gọi hiện có hoặc tên gọi phù hợp với thực tiễn địa bàn; trường hợp cần thiết có thể sử dụng số thứ tự để đặt tên.

8. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

**Điều 18. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có**

1. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Đối với các trường hợp đặc thù quy định tại khoản 4 Điều 2 Quy chế này, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức thôn trong phường hoặc tổ dân phố trong xã trên cơ sở đề án của Ủy ban nhân dân cấp xã, kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư, ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, yêu cầu quản lý của địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án, lập hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố hoặc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định;

b) Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia;

c) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

d) Tổ chức triển khai thực hiện và thông báo công khai quyết định của Hội đồng nhân dân cấp xã sau khi được ban hành.

### **Điều 19. Tiêu chí của thôn, tổ dân phố**

1. Quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thực hiện như sau:

a) Thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên;

b) Tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tổ chức hoặc sử dụng tên gọi cộng đồng dân cư theo khoản 3, khoản 4 Điều 2 Quy chế này thì áp dụng tiêu chí quy mô số hộ gia đình tương ứng với loại hình thôn hoặc tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với các trường hợp đặc thù quy định tại Điều 20 Quy chế này thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại Khoản 1 Điều này.

### **Điều 20. Thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc thù**

1. Thôn, tổ dân phố được xem xét là trường hợp đặc thù khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thôn thuộc địa bàn miền núi; xã miền núi; xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thôn đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

c) Thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp; giao thông đi lại khó khăn; dân cư sinh sống phân tán; việc kết nối với khu dân cư liền kề không thuận lợi do điều kiện tự nhiên hoặc điều kiện hạ tầng;

d) Thôn, tổ dân phố thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư theo quy hoạch, kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Thôn, tổ dân phố nằm biệt lập; khu dân cư trên đảo, bán đảo, cồn, cù lao hoặc khu vực có điều kiện kết nối giao thông không thuận lợi với khu dân cư liền kề;

e) Thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn biên giới biển, hải đảo; địa bàn có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh; địa bàn có yêu cầu đặc biệt về bảo vệ chủ quyền, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo xác định của cơ quan có thẩm quyền;

g) Các trường hợp đặc thù khác phát sinh từ yêu cầu quản lý địa bàn, điều kiện thực tế của địa phương, tính ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư, được Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Thôn, tổ dân phố thuộc trường hợp đặc thù quy định tại Khoản 1 Điều này được xem xét duy trì tổ chức hiện có mặc dù chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 19 Quy chế này khi bảo đảm các điều kiện sau:

a) Việc sắp xếp, tổ chức lại không phù hợp với điều kiện thực tế hoặc ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý địa bàn, đời sống sinh hoạt của Nhân dân;

b) Bảo đảm tính ổn định, gắn kết cộng đồng dân cư; phù hợp với lịch sử hình thành, truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương;

c) Bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia;

d) Được cộng đồng dân cư thống nhất thông qua theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Trường hợp thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định tại Điều 19 Quy chế này nhưng thuộc trường hợp đặc thù quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng dân cư, điều kiện địa lý, hạ tầng giao thông, yêu cầu quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh và các yếu tố đặc thù của địa bàn;

b) Xây dựng phương án, báo cáo giải trình, trong đó nêu rõ: Hiện trạng số hộ gia đình, dân số; Đặc điểm địa lý, điều kiện giao thông; Các yếu tố đặc thù của địa bàn; Sự cần thiết phải giữ nguyên hoặc không thực hiện sắp xếp; Tác động của việc sắp xếp và không sắp xếp;

c) Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư theo quy định; Ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có);

d) Trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

4. Hồ sơ đề nghị xem xét trường hợp đặc thù gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Phương án hoặc báo cáo đề xuất;

- c) Báo cáo giải trình các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này;
- d) Kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư; Ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có);
- đ) Bản đồ hoặc sơ đồ địa giới hành chính, vị trí khu dân cư và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

5. Việc xem xét, quyết định đối với thôn, tổ dân phố thuộc trường hợp đặc thù phải bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; không làm phát sinh việc chia tách hoặc duy trì tổ chức thôn, tổ dân phố không cần thiết.

6. Hội đồng nhân dân cấp xã căn cứ quy định của pháp luật, điều kiện thực tế của địa phương, hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình và kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

### **Điều 21. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt**

1. Trường hợp thành lập phường từ xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn theo loại hình tổ dân phố để lấy ý kiến Nhân dân đồng thời trong hồ sơ Đề án thành lập phường.

Kể từ ngày Nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập phường có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại và sử dụng tên gọi tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Trường hợp cần thiết do yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, truyền thống cộng đồng dân cư hoặc yêu cầu quản lý thực tiễn thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tiếp tục tổ chức thôn trong phường hoặc sử dụng tên gọi truyền thống theo quy định tại Điều 2 và Điều 18 Quy chế này.

2. Trường hợp khi xây dựng hồ sơ Đề án thành lập phường từ xã mà chưa xây dựng được phương án sắp xếp, tổ chức lại để bảo đảm tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình của tổ dân phố quy định tại Điều 19 Quy chế này thì phải xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố sau khi thành lập phường.

3. Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nhằm bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn và tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

4. Trường hợp có cộng đồng dân cư hình thành ổn định từ lâu do xâm canh, xâm cư, có nhu cầu sinh hoạt cộng đồng gắn bó với địa bàn khác trong cùng đơn vị hành chính cấp tỉnh nhưng không làm thay đổi địa giới đơn vị hành

chính cấp xã thì các Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thống nhất thực hiện việc sắp xếp, chuyển giao cộng đồng dân cư để thuận lợi cho công tác quản lý và sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Sau khi thực hiện việc sắp xếp, chuyển giao:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố trước khi sắp xếp, chuyển giao trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giải thể thôn, tổ dân phố hoặc điều chỉnh phạm vi quản lý của thôn, tổ dân phố có liên quan;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc thành lập thôn, tổ dân phố mới nếu bảo đảm tiêu chí, điều kiện theo quy định của Quy chế này; trường hợp không bảo đảm tiêu chí, điều kiện thì thực hiện việc ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

## **Điều 22. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố**

1. Căn cứ quy định của pháp luật và Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến cộng đồng dân cư và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng dân cư phải thể hiện rõ số lượng cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được lấy ý kiến; số lượng, tỷ lệ ý kiến đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác; nội dung tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến tham gia.

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố;
- c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng dân cư;
- d) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.
- đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

4. Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

b) Hiện trạng thôn, tổ dân phố; quy mô số hộ gia đình, dân số và đặc điểm địa bàn;

c) Phương án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; tên gọi dự kiến của thôn, tổ dân phố sau khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại;

d) Đánh giá sự phù hợp với tiêu chí, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

đ) Điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố sau khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại;

e) Phương án bố trí, giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; phương án bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện;

g) Đánh giá tác động và giải pháp bảo đảm ổn định đời sống cộng đồng dân cư, không làm gián đoạn hoạt động quản lý địa bàn và việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

5. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 23. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có**

1. Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố, kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể; trong đó xác định rõ lý do giải thể; phạm vi, số hộ gia đình bị ảnh hưởng; phương án sắp xếp cộng đồng dân cư; phương án bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện và các điều kiện bảo đảm ổn định đời sống cộng đồng dân cư sau giải thể;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia;

c) Hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Phương án giải thể thôn, tổ dân phố;
- Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng dân cư;
- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

d) Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về giải thể thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

## 2. Trường hợp đổi tên thôn, tổ dân phố:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, trong đó nêu rõ lý do đổi tên và tên gọi của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư về Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia;

c) Hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cấp xã gồm:

- Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố;
- Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng dân cư;
- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc đổi tên thôn, tổ dân phố;
- Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

d) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về đổi tên thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

## 3. Trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, trong đó nêu rõ sự cần thiết, phạm vi cụm dân cư được ghép, số hộ gia đình, thôn, tổ dân phố tiếp nhận và các điều kiện bảo đảm tổ chức hoạt động sau khi ghép;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư tại cụm dân cư được ghép vào thôn, tổ dân phố tiếp nhận bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia;

c) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cấp xã gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến cộng đồng dân cư;
- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

d) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo thẩm quyền.

4. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố hoặc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có phải được công khai để Nhân dân biết và tổ chức thực hiện theo quy định.

## **Chương V**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG; ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

#### **Điều 24. Quản lý, sử dụng; đào tạo, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã và thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân; hòa giải ở cơ sở; tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; sử dụng nền tảng số; cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu; và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng và chế độ đối với người tham gia đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế, nếu thuộc đối tượng, điều kiện theo quy định. Việc xác định đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục và nguồn kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 25. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí tổ chức bầu, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; kinh phí phục vụ hoạt động của thôn, tổ dân phố; và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 26. Trách nhiệm quản lý, sử dụng; đào tạo, bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của cấp ủy, sự quản lý, hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tạo điều kiện để người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

3. Việc quản lý, sử dụng, đánh giá, bố trí nhiệm vụ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 27. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

**1. Ủy ban nhân dân tỉnh**

a) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này thống nhất trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

c) Bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này.

**2. Sở Nội vụ**

Là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; hướng dẫn việc thành lập, sắp xếp, tổ chức

lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### **3. Sở Tài chính**

Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật; Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

### **4. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố theo Quy chế này.

### **5. Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Trực tiếp quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn;

b) Tổ chức thực hiện việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định;

c) Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

d) Quản lý, lưu trữ hồ sơ; thực hiện bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các nhiệm vụ có liên quan khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại hoặc giải thể thôn, tổ dân phố;

đ) Bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư và việc thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

### **6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp**

Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Quy chế; tham gia giám sát việc thực hiện Quy chế theo quy định của pháp luật; phối hợp tạo sự đồng thuận trong quá trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

### **Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với địa bàn phường có khu vực dân cư đặc thù chưa bảo đảm tiêu chí tổ chức tổ dân phố nhưng có lịch sử hình thành, phong tục, tập quán và phương thức sinh hoạt cộng đồng theo mô hình thôn thì được tiếp tục tổ chức theo mô hình thôn cho đến khi thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại theo quy định

của Quy chế này.

2. Đối với địa bàn xã có khu vực dân cư đặc thù có mức độ đô thị hóa cao, điều kiện hạ tầng và không gian cư trú mang đặc điểm đô thị thì Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét quyết định việc tổ chức theo mô hình tổ dân phố theo quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

3. Người đang giữ chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi hết nhiệm kỳ hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí về thôn, tổ dân phố từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 nghỉ do thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được hưởng chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do sắp xếp theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.